

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 10/TB-TA ngày 04/5/2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/12/1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, Hải Dương;

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/12/1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã H, huyện N, Hải Dương;

Địa chỉ tại nước ngoài: Công ty Nhựa Ưc Thuận, số 2/51 đường Tân Sinh, xã Phúc Hưng, huyện Chương Hóa, Đài Loan, Trung Quốc.

Địa chỉ hiện nay: Xóm Q, thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/02/2009 tại UBND xã H, huyện N. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm. Đến năm 2014 chị P đi lao động tại Đài Loan, từ khi chị đi không liên lạc với gia đình. Năm 2017 chị P về nước và ở tại nhà để được 4 tháng thì bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Đến nay anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị TAND tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Chư B, sinh ngày 09/12/2011 hiện cháu đang ở với anh Đ, ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị của cháu Nguyễn Chư B có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được tiếp tục sống với bố.

Tòa án đã có Công văn gửi Cục xuất cảnh về việc xuất nhập cảnh của chị P, tại CV số 7120 ngày 12/06/2018 thể hiện chị P đã xuất cảnh ngày 14/12/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh, tại CV số 643 ngày 10/01/2019 thể hiện chị P đã nhập cảnh về nước ngày 27/6/2018, hiện chưa có thông tin xuất cảnh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị P đến làm việc tuy nhiên chị P đều vắng mặt không có lý do.

Theo UBND xã H, huyện N cung cấp: Về thời điểm kết hôn, con chung của anh Đ chị P đúng như anh Đ trình bày. Địa phương có biết được mâu thuẫn hôn nhân giữa anh Đ, chị P nhưng nguyên nhân không nắm được. Hiện chị P không có hộ khẩu và không cư trú tại địa phương. Anh Đ có đơn ly hôn đến TAND tỉnh Hải Dương, quan điểm của địa phương nhất trí, đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh Đ được ly hôn với chị P.

UBND và công an xã B, huyện K cung cấp: Từ ngày 10/7/2018 chị P đã đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện K, Hải Dương, hiện chị P đang sống cùng mẹ đẻ tại thôn T, xã B. Địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa anh Đ, chị P và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị P thông qua mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị N, tuy nhiên bà Nhận từ chối nhận các văn bản của Tòa án và không cung cấp địa chỉ của chị P. Do vậy Tòa án đã niêm yết những văn bản tố tụng tại Trụ sở Tòa án, Ủy ban xã B và nơi ở của chị P theo quy định của pháp luật nhưng không thấy chị P có mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị HĐXX giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị P và giao con

Nguyễn Chư B cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị P đến TAND tỉnh Hải Dương, tại thời điểm anh Đ nộp đơn khởi kiện chị P đang lao động tại nước ngoài nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Chị P hiện đã về nước và có đăng ký hộ khẩu tại xã B, huyện K, Hải Dương, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng chị P vẫn vắng mặt, mẹ đẻ chị P cũng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không cung cấp địa chỉ của chị P. Do vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị P là đúng quy định tại Điều 177, 179 BLTTDS. Chị P đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị P đi làm ăn xa, không thường xuyên quan tâm đến gia đình, anh Đ đã nhiều lần tìm chị P về đoàn tụ nhưng không được, hiện vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau một khoảng thời gian dài. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Chư B, sinh ngày 09/12/2011 hiện cháu đang ở với anh Đ. Anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Cháu B cũng có quan điểm muốn ở với bố. Xét thấy nguyện vọng của anh Đ và của con chung là phù hợp với quy định tại điều khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về án phí:* Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Chư B, sinh ngày 09/12/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001517 ngày 18/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh Đ đã thi hành xong).

Án xử sơ thẩm công khai đã báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Chất